

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 03-4-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Huyền

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Cao Sơn;  
Ông Hoàng Văn Vận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lô Thị D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn M, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Hoàng Thị T; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lô Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Hà Văn M, trước khi kết hôn hai người có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 06

tháng, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 19/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình chung sống vợ chồng ngay thời gian đầu đã không có hạnh phúc, nguyên nhân khi đó chị phát hiện anh Hà Văn M có quan hệ với người con gái khác, anh không chịu tu trí làm. Cả hai vợ chồng đều đi làm công nhân (chị thì làm tại Bắc Giang, còn anh làm tại Bắc Ninh), vợ chồng thường xuyên sống xa nhau. Anh Hà Văn M đi làm nhưng không gửi tiền về phụ giúp gia đình và có quan hệ với người khác, chị tuy không bắt gặp nhưng khi anh Hà Văn M đi làm xa thì có chụp ảnh ôm ấp với người con gái khác, khi biết sự việc chị có nói chuyện với anh thì anh Hà Văn M không giải thích cũng như không từ bỏ được.

Vợ chồng cứ mâu thuẫn như vậy đến năm 2019 thì ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã xảy ra cãi nhau thường xuyên, thậm trí còn đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên nội ngoại có biết, có khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2020 vợ chồng chị đã sống ly thân, từ khi ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc hỏi thăm nhau, mỗi người khác sống một nơi. Trước khi làm đơn ly hôn chị cũng đã liên lạc, trao đổi, nói chuyện với anh Hà Văn M về việc giải quyết ly hôn, anh Hà Văn M chỉ nói lại là *“anh không về, muốn làm gì thì làm”*. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hà Thị Lan A, sinh ngày 04/02/2016 và Hà Anh Q, sinh ngày 12/11/2017. Hiện tại 02 con đều đang sinh sống cùng nhà với bố đẻ và bà nội. Khi ly hôn chị đồng ý cho anh Hà Văn M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tại đơn khởi kiện chị có nêu chị không phải cấp dưỡng nuôi con, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị có ý kiến cấp dưỡng cho các con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con. Tổng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng và chị không phải chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lô Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Hà Văn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

*Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án do cán bộ Ủy ban nhân dân xã T, huyện B giao cho bà, bà đã liên lạc, nói chuyện với con trai Hà Văn M, do con trai hiện đang đi làm công nhân không xin nghỉ về để giải quyết việc ly hôn được, do vậy các văn bản giấy tờ Tòa án giao bà sẽ nhận và cam kết sẽ giao hoặc thông báo lại cho Hà Văn M. Hiện tại hộ khẩu của 02 vợ chồng đều ở Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, các con

chưa cắt khâu, chuyển khâu đi đâu. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng Lô Thị D, Hà Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến nay Lô Thị D yêu cầu giải quyết ly hôn, Hà Văn M cũng nhất trí. Về con chung vợ chồng có 02 con chung, trường hợp ly hôn Hà Văn M có ý kiến là được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến khi các con đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra Hà Văn M có nói lại với bà là yêu cầu Lô Thị D phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01con/01 tháng. Tổng 02 con là 6.000.000 đồng/tháng, nếu Lô Thị D không chấp nhận theo yêu cầu cấp dưỡng của Hà Văn M thì việc cấp dưỡng nuôi con do Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại các cháu đang sống cùng bố với bà nội, bố đi làm nhưng vẫn gửi tiền về để chăm các con. Khi Hà Văn M nuôi 02 con bà sẽ hỗ trợ giúp Hà Văn M trong việc chăm sóc, giáo dục, nuôi nấng 02 cháu đến tuổi trưởng thành. Bà hiện có sức khỏe vẫn đủ điều kiện chăm sóc các cháu giúp đỡ cho Hà Văn M đi làm kiếm tiền về nuôi con.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải do phía nguyên đơn chị Lô Thị D có Đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa nguyên đơn vắng mặt vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hà Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Lô Thị D và anh Hà Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/10/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân, không có hành động gì hàn gắn tình cảm, nay chị Lô Thị D xác định không còn tình cảm yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn M. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn tình cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lô Thị D, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị D được ly hôn với anh Hà Văn M. Về con chung: Xét thấy các con hiện đang chung sống cùng bố và bà nội, anh Hà Văn M tuy không về Tòa án để giải quyết nhưng đã có ý kiến yêu cầu được chăm sóc

nuôi dưỡng 02 con chung tới khi các con đủ 18 tuổi, chị Lô Thị D cũng nhất trí cho anh Hà Văn M được quyền nuôi 02 con và cũng phù hợp với ý kiến của cháu Hà Thị Lan A. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Hà Thị Lan A, sinh ngày 04/02/2016 và Hà Anh Q, sinh ngày 12/11/2017 cho anh Hà Văn M chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do mức đề nghị của anh Hà Văn M đưa ra là quá cao so với mức thu nhập của chị Lô Thị D và không phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Lô Thị D tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/ 01 con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo mức cấp dưỡng của chị Lô Thị D là 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Hoàng Thị T vắng mặt, hồ sơ đã có lời khai. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật phải giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn M cư trú tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị D và anh Hà Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/10/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lô Thị D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lô Thị D và anh Hà Văn M có 02 con chung là Hà Thị Lan A, sinh ngày 04/02/2016 và Hà Anh Q, sinh ngày 12/11/2017. Chị Lô Thị D có ý kiến giao 02 con cho anh Hà Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho

đến khi các con đủ 18 tuổi là trùng với ý kiến của anh Hà Văn M và ý kiến của cháu Hà Thị Lan A mong muốn được chung sống với bố, hơn nữa hiện tại các con đang chung sống cùng nhà bố và bà nội và có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con trưởng thành. Giao 02 con chung cho anh Hà Văn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyên tắc chung của Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu về cấp dưỡng của anh Hà Văn M đưa ra 3.000.000 đồng/tháng/ 01 con là quá cao, không phù hợp với quy định của pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét ý kiến của chị Lô Thị D cấp dưỡng cho các con 1.000.000 đồng/tháng/01 con. Tổng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, về mức cấp dưỡng của chị Lô Thị D đưa ra là cao hơn so với quy định của pháp luật và đây là sự tự nguyện của chị Lô Thị D được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng và chị Lô Thị D không phải chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Lô Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị D là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định ở khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lô Thị D được ly hôn với anh Hà Văn M. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 22, đăng ký ngày 19/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Thị Lan A, sinh ngày 04/02/2016 và Hà Anh Q, sinh ngày 12/11/2017 cho anh Hà Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lô Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng/ 01 con. Tổng là 2.000.000 đồng/tháng/ 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng và chị Lô Thị D không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Lô Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị D là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thúy Huyền**